

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp tại xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần TM&DV Nam Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1944/STNMT-CCBVMT ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp và Văn bản số 01/CV-CT ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Công ty cổ phần TM&DV Nam Sơn về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 711/TTr-TNMT ngày 06 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần TM&DV Nam Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần TM&DV Nam Sơn;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nam Sách;
- UBND xã Đồng Lạc;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của dự án Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp tại xã Đồng Lạc,
huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương của Công ty cổ phần TM&DV Nam Sơn

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cơ sở kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp.
- Địa điểm thực hiện: Xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.
- Chủ dự án: Công ty cổ phần TM&DV Nam Sơn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Quy mô sử dụng đất của Dự án là 35.352 m² thuộc xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Công suất của Dự án:

+ Kinh doanh ô tô: 300 xe/năm (xe ô tô cũ đã qua sử dụng, nguồn gốc chủ yếu là các xe lắp ráp tại Việt Nam); sửa chữa, bảo dưỡng ô tô: 450 xe/năm.

+ Kinh doanh xi măng: 500 tấn/năm; kinh doanh sắt, thép: 500 tấn/năm.

+ Kinh doanh hàng bách hóa các loại (đồ gia dụng, thực phẩm, mỹ phẩm, quần áo...): 2.000 mặt hàng.

1.3. Công nghệ sản xuất

- Quy trình kinh doanh:

Sản phẩm (xi măng, sắt, thép và các sản phẩm khác) → Nhập kho → Trưng bày → Xuất bán.

- Quy trình sửa chữa ô tô:

Xe ô tô cần sửa chữa → Kiểm tra xe → Báo lỗi xe cho khách hàng → Tiếp nhận xe cần sửa chữa → Sửa chữa, sơn, hàn, tra dầu mỡ... → Kiểm tra lần cuối (hoàn thiện, chạy thử, rửa xe) → Giao cho khách hàng.

- Quy trình bảo dưỡng ô tô:

Xe ô tô cần bảo dưỡng → Tiếp nhận xe cần bảo dưỡng → Tiến hành bảo dưỡng → Kiểm tra lần cuối (hoàn thiện, chạy thử, rửa xe) → Giao cho khách hàng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Các hạng mục công trình xây dựng:

+ Hạng mục công trình chính: Cửa hàng bách hóa (1.059,5 m²); cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng (930 m²); cửa hàng kinh doanh ô tô (888 m²); bãi đỗ xe kinh doanh ô tô (3.000 m²); kho xi măng, sắt, thép (2.250 m²); xưởng sửa chữa, bảo dưỡng ô tô (3.000 m²); kho thiết bị nội thất (2.250 m²).

+ Hạng mục công trình phụ trợ: Nhà điều hành 2 tầng (600 m²); nhà ăn ca công nhân 2 tầng (375 m²); nhà để xe công nhân (769,5 m²); nhà bảo vệ (20 m²); bể nước sinh hoạt (347 m²); bể nước PCCC (815 m²); bãi đỗ xe ô tô khu nhà điều hành (150 m²); bể cát PCCC (286 m²); trạm biến áp (60 m²).

+ Hạng mục công trình bảo vệ môi trường và kỹ thuật hạ tầng: Nhà vệ sinh (240 m²); khu xử lý nước thải (750 m²); khu tập kết rác thải (359 m²); đường giao thông nội bộ (10.128 m²); cây xanh (7.075 m²).

- Thiết bị sản xuất chính của Dự án: Máy móc thiết bị phục vụ cửa hàng bách hóa và vật liệu xây dựng (giá hàng, kệ hàng, xe nâng, xe rửa, xe ô tô tải...); máy móc thiết bị phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô (thiết bị gia công, thiết bị GJ, thiết bị gò, thiết bị sơn BP); máy móc văn phòng...

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

+ Hoạt động giải phóng mặt bằng (thu dọn sinh khối, bóc lớp đất phủ bề mặt đối với diện tích đất lúa).

+ Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, chất thải, máy móc thiết bị.

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình.

+ Hoạt động lắp đặt thiết bị sản xuất.

+ Hoạt động của công nhân tham gia xây dựng, lắp đặt thiết bị.

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Dự án.

+ Hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng xe (rửa xe, hàn, sơn...).

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Dự án.

+ Hoạt động bảo dưỡng máy móc, thiết bị, nhà xưởng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển mục đích đất chuyên trồng lúa nước khoảng 25.870 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động bóc lớp đất phủ bề mặt, nạo vét bùn hữu cơ: Phát sinh chất thải rắn.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, chất thải: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động san lấp mặt bằng: Phát sinh bụi, tiếng ồn.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc thiết bị: Phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, ngập úng.

- Hoạt động của công nhân xây dựng: Phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sản xuất: Phát sinh bụi, khí thải, nước thải sản xuất, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, ô nhiễm tiếng ồn, tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, chập điện, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải.

- Hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm: Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn.

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: Phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, bùn thải từ bể phốt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân trong giai đoạn thi công xây dựng là 3,6 m³/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 0,45 m³/ngày. Tính chất nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

- Nước thải xây dựng: Khối lượng phát sinh 2,5 m³/ngày. Thành phần chính là đất, cát xây dựng thuộc loại ít độc hại, dễ lắng đọng.

- Nước thải từ quá trình rửa xe: Khối lượng phát sinh khoảng 0,75 m³/ngày. Thành phần của nước thải chủ yếu chứa đất, cát, dầu mỡ.

- Tác động do nước mưa chảy tràn: Thành phần chủ yếu là TSS, dầu mỡ,... nồng độ ô nhiễm thấp.

b) Giai đoạn vận hành

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân và khách tham quan mua bán là 5,89 m³/ngày. Tính chất nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (COD, BOD₅), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật.

- Nước thải rửa xe: 0,9 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là bụi bẩn, dầu mỡ.
- Nước mưa chảy tràn: V = 1.326,58 lít/s. Thành phần chủ yếu chứa nhiều đất cát, cành cây, lá cây.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công, lắp đặt các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC.

b) Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào Dự án phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC.

- Khí thải phát sinh từ công đoạn sơn, thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, hơi dung môi (Toluen C₆H₅CH₃, Xylen C₆H₄(CH₃)₂).

- Khí thải từ quá trình hàn, thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi (khói hàn), CO, NO_x.

- Mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải, thùng chứa rác thải, thông số ô nhiễm đặc trưng: CH₄, H₂S, NH₃, mercaptan, CO₂.

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, thông số ô nhiễm đặc trưng: SO₂, NO_x, CO, bụi.

- Khí thải do sử dụng LPG phát sinh từ khu nhà ăn. Thông số ô nhiễm đặc trưng: SO₂, NO_x, CO.

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải sinh hoạt: Khối lượng phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng là 24 kg/ngày, giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị là 3,0 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng thực phẩm, bao bì, vỏ chai,...

- Chất thải do phát quang thảm thực vật gồm cây bụi, cỏ khoảng 0,6 tấn.

- Chất thải từ hoạt động bóc tầng hữu cơ bề mặt đất trồng lúa khoảng 6.467,5 m³.

- Chất thải xây dựng gồm đầu mẩu sắt thép, dây thép, tôn, gỗ vụn, gạch, đá... phát sinh chủ yếu do hao hụt, rơi vãi, hỏng hóc, khối lượng khoảng 0,7-14,0 tấn/ngày.

- Chất thải rắn trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị gồm bao bì carton, nilon, thùng xốp... khối lượng khoảng 200 kg.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn từ hoạt động kinh doanh: Thùng carton, bao bì nilong bọc thành phẩm bị rách, hỏng, chất thải từ khu vực văn phòng như giấy báo rách hỏng tổng khối lượng: 5-7 kg/ngày; bụi, cành cây, lá cây trong quá trình vệ sinh sân đường nội bộ khối lượng: 3 kg/ngày; bụi bẩn trong quá trình vệ sinh sân đường, kho chứa: 3 kg/ngày.

- Chất thải rắn từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng: Các chi tiết hỏng do chủ xe có yêu cầu sửa chữa, thay thế: 100 kg/tháng; các chi tiết hỏng từ các vụ tai nạn (trả lại bên bảo hiểm): 40 kg/tháng; lượng bao bì, giấy đóng gói các máy móc thiết bị: 45 kg/tháng; giấy ráp thải bỏ: 2 kg/tháng.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh là 42,36 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là giấy vụn, thức ăn thừa, bao bì chứa lương thực.

- Bùn cặn từ hệ thống xử lý nước thải: 1,5 tấn/năm.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại (CTNH)

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị với khối lượng khoảng 35,28 kg/tháng. Thành phần chủ yếu bao gồm dầu thải; găng tay, giẻ lau dính dầu; bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng; kim loại thải, ắc quy hỏng...

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất khoảng 15.530 kg/năm. Thành phần chủ yếu: Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải và dầu mỡ thải; chất hấp thụ, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại; bao bì mềm thải nhiễm thành phần nguy hại; bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại, đầu mẫu que hàn; bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử; pin, ắc quy thải; than hoạt tính bão hòa; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất; nước thải chứa dầu từ máy nén khí; nước thải từ hệ thống xử lý bụi sơn, hơi dung môi.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị tham gia thi công xây dựng, lắp đặt và các phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị.

b) Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; phương tiện giao thông ra, vào dự án và hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất, hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyên nguyên vật liệu ảnh hưởng đến hoạt động giao thông đường bộ; hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân xung quanh khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng,...

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động sản xuất của Dự án có thể xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ, sự cố các công trình xử lý chất thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng.

- Nước thải sinh hoạt: Thu gom bằng 04 nhà vệ sinh lưu động, loại dung tích 1.000 lít/nhà. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí rãnh thu nước tạm xung quanh công trường thi công. Cuối hệ thống thu gom bố trí hố ga lắng chặn trước khi thoát ra ngoài môi trường.

- Nước thải rửa xe: Thu gom bằng bể lắng 3 ngăn kích thước $3 \times 2 \times 1$ m đặt ngầm dưới cầu rửa xe, nước thải sau lắng tại ngăn thứ 3 sẽ tự chảy ra mương thoát nước phía Nam dự án, định kỳ vớt bỏ dầu mỡ nổi trên bề mặt bể và thu dọn đất cát lắng tại đáy bể.

- Đối với nước thải thi công xây dựng: Thu gom về 04 hố ga kích thước $1,2 \times 1,2 \times 1,2$ m để lắng đọng đất, cát,... trước khi thải ra ngoài môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Hệ thống thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các nhà vệ sinh được thu gom bằng 03 bể tự hoại (01 bể tự hoại khu vực văn phòng có thể tích $6,0 \text{ m}^3$; 01 bể tự hoại khu vực bán hàng có thể tích 16 m^3 ; 01 bể tự hoại khu vực sửa chữa, bảo dưỡng xe có thể tích 4 m^3); nước thải khu vực nhà ăn được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ kích thước $2 \text{ m} \times 2 \text{ m} \times 1 \text{ m}$ sau đó theo đường ống HPDE D120 chiều dài 180 m về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải sau xử lý thoát ra mương phía Tây dự án qua 01 điểm xả.

+ Nước thải rửa xe: Nước thải rửa xe được dẫn vào HTXL nước thải sản xuất công suất 1,5 m³/mẻ để xử lý sơ bộ sau đó được bơm công suất 150W, lưu lượng 3,6-6 m³/h bơm qua đường ống HDPE D150, dài 80 m về HTXL nước thải tập trung.

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

+ Hệ thống xử lý nước thải rửa xe công suất 1,5 m³/mẻ. Quy trình xử lý như sau: Nước thải rửa xe → Bể tách dầu → Cụm xử lý hóa lý (Ngăn 1: ngăn pha trộn các chất keo tụ → Ngăn 2: Ngăn phản ứng hóa lý diễn ra quá trình đông tụ → Ngăn 3: Ngăn phản ứng khí học diễn ra quá trình đông keo tụ → Ngăn 4: Lọc than hoạt tính → Ngăn 5: chứa bùn) → Hệ thống XLNT tập trung; bùn được đưa sang bể chứa bùn và thu gom và xử lý như CTNH.

Quy mô các hạng mục công trình: Bể tách dầu (1,78 m³); Cụm xử lý hóa lý: Ngăn 1 (0,99 m³); ngăn 2 (0,99 m³); ngăn 3 (1,881 m³); ngăn 4 (0,297 m³); ngăn 5 (0,17 m³).

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung: Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý hóa lý được thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 10 m³/ngày.đêm, quy trình công nghệ như sau:

Nước thải sinh hoạt (nước thải các khu vệ sinh qua bể tự hoại + nước thải nhà ăn qua bể tách mỡ) + Nước thải rửa xe (sau xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực. Bùn thải được tách từ bể lắng chuyển qua ngăn chứa bùn, bùn thải được thu gom và thuê đơn vị có chức năng xử lý.

Quy mô các hạng mục công trình: Bể gom (0,912 m³); bể điều hòa (3,705 m³); bể thiếu khí (2,85 m³); bể hiếu khí (3,705 m³); bể lắng (1,691 m³); bể chứa bùn (0,44 m³); bể khử trùng (0,5 m³).

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom, xử lý bảo đảm đạt yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B và hệ số K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, giá trị C_{max} với K_q = 0,9; K_f = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường.

- Lắp dựng hàng rào bằng tôn cao 3 m xung quanh khu đất thực hiện dự án; lắp đặt cầu rửa xe để rửa sạch bánh xe, giảm xe hạn chế bụi phát sinh ra môi trường.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, găng tay, kính, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người lao động.

b) Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu bụi và khí thải do các phương tiện giao thông: Định kỳ quét dọn và phun ẩm quảng đường xe di chuyển; bê tông hoá các tuyến đường chính; trồng cây xung quanh khu vực Dự án.

- Giảm thiểu bụi, hơi dung môi từ quá trình sơn:

+ Bụi, hơi dung môi → Quạt hút → Đường ống dẫn khí → Tháp phun nước → Máy lọc khô → Máy lọc quang phân UV → Hộp hấp phụ than hoạt tính → Quạt đẩy → Ống thoát khí.

+ Chất lượng khí thải: Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 1,0$; $K_v = 1,0$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

+ Thông số kỹ thuật của hệ thống: Đường ống dẫn khí D30 cm, vật liệu thép không gỉ, chiều dài ống 70 m; 02 quạt hút công suất 5.000 m³/h/quạt; tháp phun nước dạng đĩa (cấu tạo hình trụ tròn, rỗng, bên trong có chứa hệ thống ống dẫn phân phối khí thải, vật liệu vỏ tháp làm bằng thép không gỉ, phủ sơn cách nhiệt); 01 máy lọc khô (kích thước 360 mm x 670 mm x 305 mm, công suất 45W); 01 máy lọc quang phân UV (vật liệu thép carbon, kích thước 300 mm x 580 mm x 310 mm, tốc độ lọc 500 m³/h); 01 tháp hấp phụ than hoạt tính (kích thước 2,0 m × 1,4 m × 0,5 m, bằng inox dày 0,8 mm, bên trong có 05 tấm lọc bằng than hoạt tính kích thước 1,6 m × 1,0 m × 0,3 m; 01 quạt đẩy lưu lượng 10.000 m³/h; 01 ống thoát khí (đường kính ống D30 cm vật liệu thép không gỉ, chiều cao 12 m); 01 bể nước dưới tháp hấp phụ ($V = 2 \text{ m}^3$)

+ Chất hấp phụ: Nước. Tần suất thay 3 tháng/lần, khối lượng 2 m³/lần.

+ Vật liệu hấp phụ: Than hoạt tính. Tần suất thay là 3 tháng/lần, khối lượng than cần thay 270 kg/lần thay).

- Đối với khu vực bếp ăn: Lắp đặt hệ thống hút mùi, quạt thông gió để giảm mùi.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn do phát quang thảm thực vật: Khuyến khích các hộ dân thu hoạch lúa, hoa màu trước khi được cơ quan có thẩm quyền giao đất để tránh lãng phí cũng như giảm thiểu khối lượng sinh khối cần loại bỏ.

- Đất hữu cơ được tập kết tại công trường và tận dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 04 thùng rác dung tích 200 lít/thùng, có nắp đậy để thu gom, lưu giữ chất thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng hàng ngày đến thu gom, vận chuyển đến bãi tập kết rác thải của địa phương.

- Đối với chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại tại nguồn. Đối với chất thải rắn là vỏ bao, sắt, thép thừa,... có thể tái sử dụng hoặc bán lại cho các đơn vị tái chế; chất thải còn lại được tập kết tại công trường, phủ bạt che chắn, hợp đồng với đơn vị có chức năng để mang đi xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 5 thùng HDPE dung tích 10-20 lít/thùng tại khu vực bếp ăn; 02 thùng nhựa HDPE, dung tích 200 lít/thùng tại khu vực sân đường nội bộ để thu gom bụi, cành cây, lá cây; 10 thùng HDPE dung tích 10-20 lít/thùng thu gom chất thải khu vực văn phòng và cửa hàng kinh doanh để lưu chứa tạm thời chất thải. Xây dựng kho chứa có diện tích 10 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển mang đi xử lý, tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn sản xuất: Bố trí 05 thùng chứa bằng nhựa HDPE dung tích 50 lít/thùng; 01 kho chứa chất thải, diện tích 59 m² để chứa chất thải từ hoạt động kinh doanh xi măng, sắt thép,... và 01 kho chứa diện tích 250 m², để chứa chất thải từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng ô tô. Ký hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý chất thải theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, hồ ga, bể phốt, bể tách mỡ: Thuê đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, nạo vét, tần suất 6 tháng/lần.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải được thu gom bằng 04 thùng nhựa trong đó 01 thùng có dung tích 500 lít và 02 thùng dung tích 200 lít, có nắp đậy đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Các thùng thu gom được dán tên, mã chất thải nguy hại và đặt tại khu vực kho chứa tạm thời diện tích khoảng 10 m² tại khu vực cao ráo, có bố trí biển báo rõ ràng theo quy định. Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý đúng quy định khi kết thúc quá trình thi công xây dựng.

b) Giai đoạn vận hành

Chất thải được phân loại tại nguồn, để riêng vào các thùng có dung tích từ 20-100 lít đặt tại khu vực có diện tích khoảng 40 m². Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị và phương tiện thi công.

b) Giai đoạn vận hành

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.

- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.

- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Trang bị các trang thiết bị PCCC (trụ cứu hỏa, bể PCCC), bố trí các đèn chiếu sáng, tiêu lệnh PCCC, bình bột chữa cháy tại các khu vực thuận tiện, dễ nhìn. Tiến hành huấn luyện về PCCC cho cán bộ, công nhân.

4.4.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt để phòng ngừa phát sinh sự cố của hệ thống. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế. Trang bị kiến thức cho cán bộ vận hành nắm rõ quy trình vận hành hệ thống, nhận biết các dấu hiệu dẫn đến sự cố và các biện pháp xử lý khi có sự cố xảy ra. Khi hệ thống xảy ra sự cố kéo dài phải thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thu gom và xử lý khí thải để phòng ngừa phát sinh sự cố của hệ thống. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế. Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực có thiết bị hỏng cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường; khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng hoạt động sản xuất công đoạn phát sinh khí thải để khắc phục sự cố.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị

5.1.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 điểm trong giai đoạn thi công (01 điểm tại khu vực công vào công trường; 01 điểm tại khu vực giữa công trường; 01 điểm tại khu vực giáp khu dân cư) và 03 điểm trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị (01 điểm tại khu vực cửa hàng kinh doanh bách hóa; 01 điểm tại khu vực cửa hàng kinh doanh ô tô và 01 điểm tại khu vực sửa chữa, bảo dưỡng ô tô).

- Các thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, tổng bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

5.1.2. Giám sát nước thải thi công

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả ra nguồn tiếp nhận (sau bể lắng).

- Các thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, NH₄⁺, N_{tổng}, P_{tổng}, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, Fe, Mn.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp mức B, giá trị C_{max}.

5.1.3. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải, khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải giám sát nước thải, khí thải theo quy định tại khoản 1, Điều 97 và khoản 1, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và

các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát và quan trắc môi trường theo nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ô nhiễm, sự cố môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Dự án.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải cho toàn bộ dự án hoặc cho hạng mục công trình xử lý chất thải độc lập của dự án, đảm bảo phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải./.